

VỊ ANH HÙNG DÂN TỘC đất AN GIANG

Đất An Giang có một vị anh hùng dân tộc mà sử sách dường như quên lãng, có công giữ an bờ cõi biên giới Việt Miên và vùng Thất Sơn, đồng thời lập mặt trận Bảy Thưa chống quân xâm lược người Pháp, mất tích tại mặt trận năm 1873. Đó là ông Trần Văn Thành. Mặc dù sử sách ít khi ghi chép công trạng của ông nhưng đối với người dân miền Tây nói chung, dân Châu Đốc, Long Xuyên nói riêng, khi nhắc đến ông không ai mà không biết. Ông được người đời ở đây truy tặng cho một danh hiệu vừa quý mến, vừa kính trọng đó là Đức Cố Quân.

ĐỨC CỐ QUÂN

Tên thật là Trần Văn Thành, quê ở Cồn Nhỏ, ấp Bình Phú, xã Bình Thạnh Đông, tổng An Lương, quận Châu Phú, tỉnh Châu Đốc (An Giang). Ông lập

được nhiều chiến công hiển hách dưới triều Thiệu Trị, Tự Đức, nên được phong đến chức Chánh Quản Cơ. Vì là một Chánh Quản Cơ, con là Cậu Hai Nhu, cháu nội là Trần Quang Nhơn đều là những người đức trọng, đạo cao, trí dũng vẹn toàn, hiểu sâu, biết rộng, nên người đời sau gọi tôn ông lên hàng Cố. Còn chữ quản do từ chữ Quản Cơ mà ra.

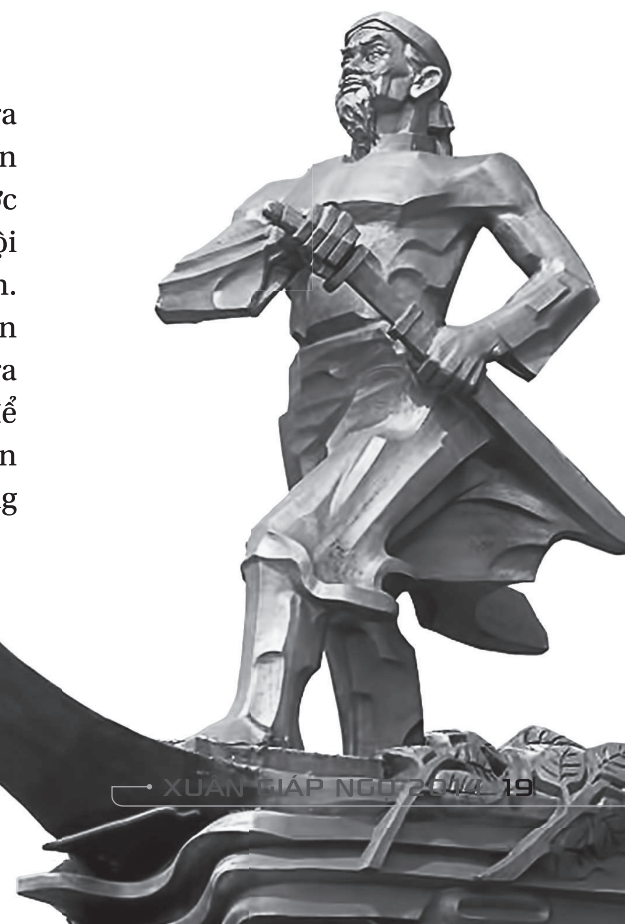
I. Thuở Thiếu Thời

Thuở thiếu thời ông tỏ ra là một người hiền lương nhân hậu. Ông phải đứng khóc trước đám đông dân làng bị bắt vì tội không tiền đóng thuế thân. Ông đứng ra xin cho họ, quan trên trong làng không chịu, ra điều kiện với ông. Bắt ông để thay cho họ. Ông đồng ý, quan trên cùng các phú nông trong

Tượng đài
Quản cơ Trần
Văn Thành, tỉnh
An Giang.

làng cảm kích trước nghĩa cử cao cả của một cậu bé như ông. Ra lính thả hết, ra tiền đóng thuế thay cho họ.

Thoạt đầu ông đi học chữ nho, vốn có bản tánh thông minh thiên phú và lòng thương người, nên trong lớp được thầy yêu bạn mến. Học chữ được một thời gian. Vì tình hình nước ta có nhiều đột biến, loạn lạc nổi lên khắp nơi. Người Miên thường hay vượt qua biên giới, xúi giục các “phum”, các “sóc” ở miệt Tri Tôn, Xà Tôn, Nhà Bàn, Tịnh Biên nổi lên “cáp duồn.” (Cáp duồn tiếng Miên có nghĩa là giết người Việt). Để thích ứng với thời cuộc, vốn sức mạnh bẩm sinh sẵn ▶



có. Cụ thân sinh chuyển qua cho ông học võ. Vốn đã thông minh, tính tình bất thiệp, chăm chỉ chuyên cần tập luyện ngày đêm, nên chẳng bao lâu ông trở nên người võ công có hạng.

II. Xuất Chính

Năm Canh Tý, 1840, cuối đời vua Minh Mạng, người Chân Lạp dựa vào thế lực của Xiêm nổi lên chống lại quyền bảo hộ của triều đình Huế ở khắp nơi. Họ còn xúi giục người Miên ở Thủy Chân Lạp, như Trà Vinh, Sóc Trăng, Linh Quỳnh, Sài Mạt, Láng Cháy, Thất Sơn.v.v.. đồng loạt nổi lên gây náo loạn. Triều đình hạ chỉ cho địa phương tuyển mộ thêm quân để kịp thời ứng phó với tình hình. Năm ấy ông Trần Văn Thành đã hơn 20 tuổi, võ nghệ hơn người, có học thức, cùng một số bạn bè có cùng chí hướng đi đầu quân. Ông được bổ vào chức Suất Đội, chỉ huy 50 người.

Trong thời gian ông giữ chức Suất Đội, ông thu phục được một người, được coi như là người bạn chí thân. Đó là ông Hai Lãnh, còn gọi là Cậu Hai Gò Sặt (Pursat). Ông này sau lập được nhiều chiến công, giúp Cố Quân thắng trận giao tranh với Miên ở Láng Cháy, gọi hàng được hai tướng của Miên là ông Bướm và ông Vôi. Hai ông Bướm và Vôi đứng ra kêu gọi và khuyên dân Miên ở vùng

Tri Tôn, Tịnh Biên buông vũ khí không nên nổi lên chống ta nữa. Sau này, ông Bướm và ông Vôi lên núi Thiên Cẩm Sơn (núi Cẩm) tu hành đúc quả tại một cái vồ mà người ta đặt tên là vồ ông Bướm để kỷ niệm hai ông.

Năm Ất Ty, 1845, trong một cuộc tuần tiễu dọc theo biên giới Việt Miên ở vùng kinh Vĩnh Tế và xã Vĩnh Ngươn, đội quân của ông Hai Lãnh bị phục kích thiệt hại nặng nề. Ông Hai Lãnh thoát nạn, nhưng vì đêm tối, vì rừng rậm ông đi lạc sâu vào trong đất Miên, đến tỉnh Pursat. Tỉnh Pursat nằm ở bờ phải Biển Hồ, giữa đường đi Nam Vang, Battambang, cách Nam Vang độ 120 Km về hướng Tây. Nhờ biết tiếng Miên, ông đến tá túc nhà một người thân (lúc này dân Việt đã có sống trên vùng Biển Hồ, nên người Việt gọi Pursat là Gò Sặt). Đến khi tướng Xiêm là Chất Tri xin hoà và vua Miên là Nặc Ông Đôn xin thần phục nước ta, chiến tranh Việt Miên chấm dứt. Ông Hai Lãnh mới hồi hương, nhưng về đến nơi thì vợ con ông đã hoá ra người thiên cổ. Ông buồn rầu, xin từ quan, lên núi ẩn tu sau đắc đạo.

Trong cuộc đời võ nghiệp của Đức Cố từ năm 1841-1845, Cố chỉ huy và tham chiến trên 30 trận lớn nhỏ. Cố được thăng đến chức Chánh Quản Cơ, chỉ huy 500 người. Cố đã từng đem quân đến Trà Vinh, Sóc Trăng,

Linh Quỳnh để dẹp an thổ dân ở địa phương. Đáng kể nhất là trong trận Láng Cháy vào năm Quý Mão, 1843. Trong lúc Cố đang hành quân bình định tại sóc Chưm Num, cho quân nghỉ tại núi Cô Tô (Phụng Hoàng Sơn). Được tin cấp báo quân Miên tấn công vào vùng Láng Cháy, cướp của, đốt nhà và “cấp duồn.” Do hai tướng Miên là Bướm và Vôi chỉ huy. Cố Cấp tốc cho quân len qua rừng rậm, vượt đồi núi tiến về Tri Tôn. Dọc đường bị quân Miên phục kích rất dữ dội, họ đông như kiến. Cố hạ lệnh rút lui, quân Miên tưởng quân ta hoảng sợ bỏ chạy, chúng cấp tốc đuổi theo. Bị cánh quân thứ hai của Cố do ông Hai Lãnh chỉ huy đánh bọc hậu, quân Miên tan rã. Hai tướng Bướm và Vôi được thông báo kéo toàn lực, cùng các sóc gần đó đổ ra trợ chiến, bao vây quân ta vào giữa, họ hò hét, vờn oai diệu võ, kêu la dữ tợn. Mục đích làm cho quân ta mất tinh thần, rã ngũ, đầu hàng họ. Cố nhận xét, quân Miên tuy đông nhưng chẳng qua là một đám quân ô hợp, thiếu kỷ luật, thiếu huấn luyện. Nên thừa lúc trời tối và lúc họ đang hăng say hò hét. Cố cho mở đường máu rút lui. Quân Miên tưởng là mình thắng trận, mở tiệc khao quân, ăn uống say sưa. Cố liền quay quân trở lại đánh úp vào quân Miên một trận kinh hồn, làm cho họ trở tay không kịp,



Dinh Đức Cổ quán.

chạy toán loạn. Còn hai tướng Bướm và Vôi bị quân ta vây chặt, không đường thoát thân phải xin hàng. Từ đó vùng Thất Sơn trở nên yên tĩnh.

III. Trở Về Đời Sống Dân Sự

Tướng Xiêm là Chất Tri và vua Chân Lạp Nặc Ông Đôn bị hai tướng ta là Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn bao vây tại thành Oudong (Candal # Cần Đăng). Tháng 9 năm 1845, Chất Tri cho người đến xin hoà, vua Thiệu Trị chấp thuận. Chất Tri rút hết quân về nước. Đến tháng Chạp năm Bính Ngọ, 1846. Nặc Ông Đôn dâng biểu tạ tội, đưa phẩm vật xin triều cống. Vua Thiệu Trị ưng theo và phong cho Nặc Ông Đôn làm Cao Miên Quốc Vương. Kể từ đó chiến tranh Việt và Miên tạm chấm dứt.

Sau khi vua cha băng hà, hoàng tử Hồng Nhậm lên ngôi năm Đinh Vị (Mùi), 1847, niên hiệu Tự Đức. Nhà vua xét thấy loạn lạc đã yên, bở cõi phương

Nam cũng vững lặng, giặc già giữa ta và Miên không còn nữa, nên Ngài hạ chiếu cho giảm quân để cho một số quan quân được trở về sum họp với gia đình, vui thú điền viên. Đức Cố Quán và cơ binh của ông cũng được hưởng đặc ân ấy. Trong tờ chiếu của nhà vua ban khen cho Cố có bốn chữ: "Quản Cơ Tinh Binh," đóng Ngọc Ấn và nhắc nhở đến những chiến công của Cố.

Trở về với đời sống điền viên, Cố đem toàn bộ gia nhân đến mấy trăm người về quê là Cồn Nhỏ, xã Bình Thạnh Đông khai khẩn đất hoang, lập nên trại ruộng (chùa Vườn Bông). Trại ruộng này vẫn còn tồn tại đến sau này, mặc dầu nhiều lần bị chiến tranh tàn phá. Bên cạnh trại ruộng có một cây sao cổ thụ, gốc ba, bốn người ôm không giáp, tục truyền là do Đức Cố trồng. Người ta lại thêu dệt nhiều điều thần thoại, huyền bí đôi khi lẫn ma quái trên cây sao này, vì đây là khúc

vằng chỉ trợ trợ một cái miếu hoang là trại ruộng với cây sao to tướng, đứng sừng sững giữa trời mà người ta gọi là Cây Sao Một. Nên mỗi khi đi qua nơi này bằng ghe, xuồng hay cuộc bộ, dù đêm hay ngày cũng cảm thấy rờn rợn. Vào khoảng năm 1951-1952 cây sao này bị hạ, do lệnh Cựu Hai Ngóan, tức Thiếu tướng Lâm Thành Nguyên. Người ta đốn để lấy gỗ làm cột đèn đường, làm mất đi một di vật báu quý. Trong thời gian lui về vườn, Cố nghiên cứu nhiều về kinh Phật.

Đến năm 1849, nghe lời đồn Đức Phật Thầy ra đời dạy đạo ở Xẻo Môn. Đức Cố Quán đi xuống ra mắt Đức Phật Thầy, được Đức Phật Thầy lưu lại mấy hôm, bàn qua đạo pháp, tâm đầu ý hiệp. Đức Cố Quán qui y với đức Phật Thầy từ đó. Sau này được Đức Phật Thầy trao cho một tông phái trong đó có bốn chữ < Bửu Sơn Kỳ Hương.>

IV. Thọ Giáo.

Được Đức Phật Thầy khai hoá và thuyết giảng về Tu Nhân

Học Phật, thế nào là Tứ Ân. Đức Cố Quán dường như tỉnh mộng, Cố thấy vui say trong mùi đạo vị, quên cả ăn ngủ để nghiên cứu, trau dồi giáo lý, tìm hiểu Phật pháp. Cố xúc tiến ngay việc truyền bá đạo trong quần chúng. Mặc khác, Cố mở

mang thêm dinh điền để giúp người nghèo khổ, bệnh tật. Cố giao trại ruộng ở Côn Nhỏ cho người cháu là Trần Văn Đông. Cố đem cả gia đình lên vùng Thất Sơn khai khẩn đất hoang, lập nên hai xã Xuân Sơn và Hưng Thới. Cố thường hay tâm sự:

Dạy và giúp ta những phương tiện để đạt đến đạo là thầy

ta, người tri kỷ cùng sống thác có nhau nêu cao gương trung nghĩa là chú Hai Lành.

Đức Cố Quản lãnh nhiệm vụ đi cấm 5 Ông Thẻ và quản lý Bửu Hương Các ở Láng Linh cùng trồng 4 cây dầu ở Tây An Cổ Tự thuộc xã Long Kiến, quận Chợ mới, tỉnh Long Xuyên sau này.

Tương truyền, khi Đức Phật Thầy sắp sửa viên tịch có truyền lại cho Đức Cố Quản một cái ấn triện, trên có trạm bốn chữ: Bửu Sơn Kỳ Hương, một cái áo, một cây cờ có nhuộm màu dàu. Đức Phật Thầy lại ân cần dặn dò như sau: “Cái ấn này để về sau thay ta mà truyền đạo, còn cờ và áo thì có việc dùng trong khi trở ra đền nghĩa cả nước non.

TRỞ RA ĐỀN NỢ NƯỚC.

Trước sự bạo ngược của Pháp dùng vũ lực đánh chiếm Biên

Hoà, Gia Định và Định

Tường, vua Tự Đức xuống chiếu Cần

Vương và ra lệnh ban thưởng cho ai:

1. Chiêu mộ được 10 người lính sẽ cho lãnh chức Bá Hộ.

2. Chiêu mộ được 50 người lính sẽ cho lãnh chức Chánh Lục Phẩm, Suất Đội.

3. Chiêu mộ được 100 người lính sẽ cho lãnh chức Phó Vệ.

4. Chiêu mộ được từ 200 đến 400 người lính sẽ cho lãnh chức tùy theo phẩm trật.

5. Chiêu mộ được 500 người lính sẽ được lãnh chức Chánh Nguyên Phạm Cơ.

Ngoài ra, còn trọng thưởng cho ai bắt được một người Lang Sa sẽ được thưởng 4 nén bạc. Giết được một người Lang sa được thưởng 2 nén bạc. Giết một người phản quốc theo Lang Sa được thưởng 1 nén bạc.

Trước tình cảnh đất nước bị xâm lăng, ngoại bang giầy xéo, lòng đau như Cắt. Đức Cố nằm ngòai không yên. Tiếp theo nhận được lệnh Cần Cường, Cố quyết tâm trở ra gánh vác việc nước để đền nghĩa cả, trả nợ Tứ Ân. Do đó, Ngài trở lại nắm quân cơ của Ngài.

I. Mặt Trận Bảy Thưa.

Phái đoàn cụ Phan Thanh Giản đại diện cho triều đình Huế thương thuyết với Pháp không xong. Trung Tá Galey nhận lệnh của De La Grandière

rời Vĩnh Long lúc 5 giờ sáng, đến An Giang (An Giang ngày xưa tỉnh lỵ là Châu Đốc, còn Long Xuyên ngày xưa là quân lỵ Đông Xuyên) ngày 21 tháng 6 năm 1867 bằng chiếc thông báo hạm Biên Hoà cùng đoàn tùy tùng gồm có Thiếu tá De Guichemy, Thiếu tá Bovet, Thiếu tá Domange với những chiếc pháo hạm La Bourdais, La Fusée, Lalarme, Le Fleuret, La hallebardre với hơn 1000 binh sĩ tinh nhuệ, võ trang tối tân, hỏa lực hùng hậu.

Đoàn tàu chiến tới An Giang vào lúc 8 giờ tối, chúng dàn hàng ngang, chia đại bác vào thành. Tổng Đốc An Giang là Phan Khắc Thân? Galey ra lệnh cho Tổng Đốc Thân phải đích thân xuống tàu để nhận lệnh thư của cụ Phan Thanh Giản. Đến 11 giờ đêm, Tổng Đốc sai hai quan Bố Chánh và Án sát xuống tàu để nhận thư. Galey không chịu. Ra lệnh, nếu Tổng Đốc Thân không đích thân xuống tàu thì họ sẽ nả đại bác vào thành. Sáng hôm sau, Tổng Đốc Thân buộc lòng phải xuống tàu, đến phòng chỉ huy để nhận lãnh lệnh thư của cụ Phan và nộp thành. Tổng Đốc còn do dự thì Domange đã được lệnh của Galey dẫn 100 lính đánh chiếm thành vào lúc rạng sáng ngày 22 tháng 6 năm 1867, nhằm ngày 21 tháng 5 năm Đinh Mão. Vì tuân lệnh

cụ Phan nên không có một sự chống cự quan trọng nào cả. Chỉ có lãnh binh Lê văn Sanh và quân cơ Trần Văn Thành dẫn binh rút lui mà không hàn. Lãnh binh Sanh sau ẩn vật và chết già tại cù lao Ông Chưởng. Còn ông Trần Văn Thành (Đức Cố Quân) rút về rừng Bảy Thưa thuộc Láng Linh để mở mặt trận chống Pháp.

Ngày 30 tháng 8 năm 1867, nhằm ngày 1 tháng 8 năm Đinh Mão được tin cụ Phan đã tuấn tiết tại Vĩnh Long, sáu tỉnh Nam kỳ lọt vào tay của Pháp. Triều đình Huế chưa có một quyết định dứt khoát. Đức Cố Quân lập đàn tế cáo trời đất, dùng đất Láng Linh lập nên Mặt Trận Bảy Thưa, chiêu mộ thanh niên trai trẻ có lòng yêu nước nhiệt thành, thành lập đạo binh chống Pháp lấy tên là Binh Gia Nghị. Ngài đặt bản doanh tại đồn Hưng Trung, tổ chức bố phòng rất nghiêm ngặt, dựa vào địa thế thiên nhiên, cả bốn phía đều có những trạm gác hay tiền đồn kiên cố, chung quanh có hào sâu, cắm chông, cọc nhọn, tường thành đắp đất cao. Chiến khu vững chắc.

Phía Đông là rạch Mực Cần Dưng, có đồn Hang Tra thuộc xã Vĩnh Hanh ngày nay. Phía Bắc giáp Hậu Giang có đồn Hờ tại Vàm Cái Dầu, nằm giữa ranh xã Bình Long và xã Vĩnh

Thạnh Trung. Phía Tây là kinh Vĩnh Tế có đồn Cái Mơn, cách đồn Cái Mơn không xa về phía Tây là đồn Lương. Phía Nam là rừng tràm và dãy Thất Sơn có đồn Giồng Nghệ. Dù Cố không được đào tạo bởi một trường quân sự nào, nhưng dựa vào kinh nghiệm bản thân mà Cố đã có được, đem ra áp dụng bố phòng như vậy là quá chặt chẽ.

II. Đạo Binh Gia Nghị.

Sau khi xây dựng lực lượng, cách bố phòng xong, cáo tri cùng trời đất. Cố cho xuất quân. Ngài dùng chiến thuật du kích, khuấy nhiễu, đánh phá rồi vào huyện Đông Xuyên (Long Xuyên) cũng như tỉnh thành Châu Đốc, làm cho giặc Pháp không lúc nào được yên ổn, nghỉ ngơi.

Về lương thực được dân địa phương và tín hữu trong phái Bửu

Sơn Kỳ Hương nhiệt liệt ủng hộ. Công việc vận tải lương thực Cố giao cho ông Nguyễn Văn Tú đảm trách. Ông dùng cả xe bò, xe trâu, cộ hay những ghe, xuồng nhỏ để vận chuyển từ bờ sông Hậu Giang, rạch Mực Cần Dưng len lỏi qua những con mương, rạch nhỏ để vào hậu cứ. Ngoài ra Cố cho đào một con kinh nối liền ngọn Ngã Bát thuộc xã Vĩnh Thạnh Trung, Thạnh Mỹ Tây với Láng Linh, nên việc

vận chuyển lương thực càng dễ dàng.

Được biết Cố thành lập rất nhiều đội binh, ít nhất là chín đội binh. Nhưng tất cả đều nằm trong Đạo Binh Gia Nghị. Việc đúc súng Cố giao cho Đội Chín, tên tộc là Văn. Ông nầy trước làm tới Đê Đốc, đóng quân ở Hà Tiên. Đánh giặc Miên ở Bãi Bùn (Cà Mau) bị thất bại, nên bị cách chức, về vườn. Ông gia nhập vào đội binh thứ Chín của Cố nên có tên là Đội Chín. Nhưng việc đúc súng không thành công vì thiếu kỹ thuật. Cố còn vận động mua súng từ Xiêm, nhưng việc bất thành vì Xiêm và Pháp có ký hiệp ước bất can thiệp vào nhau.

Vào tháng 11 năm 1868, Pháp tấn công vào đồn Hờ ở Cái Dầu và đồn Hàng Tràm ở xã Bình Thạnh Đông, nghĩa binh đang chống trả rất mãnh liệt thì viên Đội Nhì tên Nhiều đóng quân ở địa phận Kiên Giang vào bầm với Ngài một tin buồn là ông Nguyễn Trung Trực bị Pháp hành quyết tại thị xã Rạch Giá vào ngày 27 tháng 10 năm 1868. Cố rất xúc động, đau buồn, cho lập bàn hương án, cho nghĩa binh truy niệm ba ngày để tưởng nhớ đến một vị anh hùng dân tộc, vị quốc vong thân. Đồng thời Cố cho lập bài vị ông Nguyễn Trung Trực đặt trên bàn thờ tử sĩ để

truy điệu.

III. Cuộc khởi Nghĩa Bảy Thưa.

Sau khi tiêu diệt được các lực lượng kháng Pháp ở miền Nam như: Lực lượng của Phó Quản Cơ Trương Công Định ở Gò Công năm 1864. Thủ Khoa Huân bị đày đi đảo Réunion cũng cùng năm ấy. Đến 1866, Lực lượng của Võ Duy Dương, tức Thiên Hộ Dương bị tan rã ở Đồng Tháp. Ngài Nguyễn Trung Trực lên đoạn lều đài tại thị xã Rạch Giá, năm 1868. Pháp bắt đầu dồn nỗ lực tiêu diệt đạo binh Gia Nghị là lực lượng cuối cùng ở miền Nam có căn cứ, có tổ chức kháng cự lại chúng.

Thoạt tiên, Pháp dùng chiến thuật tầm ăn dâu, đánh chiếm

các đồn canh nhỏ lẻ tẻ ở bờ phải Hậu Giang và bờ rạch Mặc Cần Dưng, Rừng Tràm, lập pháo đài trên đỉnh núi Sam để kiểm soát, theo dõi một khu vực rộng lớn sự hoạt động của nghĩa quân ở Láng Linh, đưa quân tăng viện Xà Tón, Tri Tôn, Tịnh Biên, Nhà Bàn để cô lập sự chuyển vận lương thực, hoạt động của binh Gia Nghị.

Mặt khác Pháp dùng kế chiêu dụ ra hàng bằng miếng mồi ngon ngọt, đỉnh chung, tiền tài, quyền tước, danh lợi để cho nghĩa quân và Cố siêu lòng. Trái lại, Cố càng quyết tâm hơn với tấm lòng trung

trình tiết liệt vì nước, vì dân, vì nghĩa cả quân vương, phận làm thần tử qua hai câu trong Kim Cổ Kỳ Quan mà ông Ba Thới đã diễn tả.

Thà thua xuống lán,
xuống bưng,

Kéo ra đầu giặc lõi chân
quân thần.

Dù bị cô lập và bao vây như vậy, Cố và những người bộ hạ vẫn quyết tâm tổ chức xong việc phòng thủ những nơi trọng yếu, tích lũy quân lương, huấn luyện sĩ tốt, chọn ngày khởi nghĩa đánh thẳng vào An Giang, Đông Xuyên, Tri Tôn, Tịnh Biên, cắt đường liên lạc giữa Châu Đốc và vùng Thất Sơn, cô lập quân Pháp đóng tại Xà Tón, Nhà Bàn, Tịnh Biên.

Cuộc khởi nghĩa này được gọi là Cuộc Khởi Nghĩa Bảy Thưa. Vì Cố đứng đầu phái Bửu Sơn Kỳ Hương nên Pháp gọi Cố là ông Đạo Thành. Năm 1872, do sự dẫn đường của một người Miên tên Tol. Tên này bị nghĩa quân bắt tại ngọn Cà Tranh, thuộc Tri Tôn bị tình nghi là dọ thám, nhưng nhờ Cố mở lòng từ bi tha chết cho trở về sum họp với gia đình. Tên Tol không lấy đó làm ơn mà trên đường về bẻ cây làm dấu rồi dẫn quân Pháp tiến đánh đồn Giồng Nghệ. Nghĩa quân liều thác chống giữ, nhưng vì vũ khí thô sơ chỉ có gươm, dao, đao, kiếm và một ít loại súng tự chế hay quá cũ kỹ, bắn

không nổ, tầm bắn không xa, thiếu đạn dược, không thể nào đương đầu nổi vũ khí tối tân. Nghĩa quân đành phải bỏ đồn rút lui. Pháp tuy chiếm được đồn nhưng không dám lưu lại lâu, sợ nghĩa quân phản công. Trong trận này, ông Phạm Văn Khuê chỉ huy đồn bị thương và bị bắt cùng một số nghĩa quân. Ông Khuê bị chúng tra khảo tàn nhẫn cho đến bị mất trí. Pháp rút lui, Nghĩa quân tái chiếm và xây dựng lại đồn Giồng Nghệ.

Binh Gia Nghị nhiều lần tập kích vào Tri Tôn, Tịnh Biên nhưng không thành công. Pháp đi lẻ tẻ thì bị ám sát, bị phục kích. Chúng tập trung lại thì Binh Gia Nghị biến mất, nên chúng rất lo sợ, rắp tâm tiêu diệt cho bằng được đạo quân này.

IV. Cuộc Khởi Nghĩa Bảy Thưa Bị Thất Bại.

Năm 1873, Pháp tập trung lực lượng đánh thẳng vào đồn Hờ ở Cái Dầu và đồn Giồng Nghệ, chúng dùng chiến thuật tiền pháo hậu xung, chỗ nào rậm rạp chúng cho đốt, chúng tiến quân từ từ để tránh sự phục kích của nghĩa quân. Nghĩa quân liều chết cũng không cản được sự tiến quân của địch.

Sau khi đồn Hờ và đồn Giồng Nghệ hoàn toàn lọt vào tay

của Pháp, biết chắc Pháp sẽ tập trung lực lượng tiến đánh vào đồn Hưng Trung là Bộ Chỉ

Huy của binh Gia Nghị và các đồn còn lại. Cố liền cho tái phối trí lực lượng. Để cho binh sĩ rảnh tay chiến đấu, giảm gánh nặng lo cho gia đình. Cố ra lệnh cho đưa những người già cả, đàn bà, trẻ con về Long Châu (thuộc xã Thạnh Mỹ Tây) để tạm thời lánh nạn. Mặt khác, Cố cho tăng cường tiếp liệu đạn dược, lương thực cho đồn Cái Mơn, tăng quân số giữ đồn lương. Riêng Cố đích thân chỉ huy đồn Hang Tra, vì nhận thấy Pháp sẽ lợi dụng đường thủy, rạch Mắc Cần Dưng đưa quân vào tấn công đồn này.

Vào khoảng ngày 20, 21 tháng 2 âm lịch, 1873. Pháp tập trung lực lượng từ Châu Đốc và Đông Xuyên mở hai mặt trận cùng một lúc, từ Châu Đốc tấn công mãnh liệt vào đồn Cái Mơn. Từ Đông Xuyên chúng dùng tàu thủy theo rạch Mắc Cần Dưng tấn công vào đồn Hang Tra. Chúng dùng tối đa hỏa lực bắn phá vào hai đồn nói trên, đồng thời đánh chiếm đồn lương. Mặc dầu các đồn của binh Gia Nghị có hào sâu bao bọc chung quanh, có chướng ngại vật, binh sĩ liều chết để chiến đấu. Nhưng vũ khí quá thô sơ không thể ngăn chặn được sức tiến công mãnh liệt của súng đồng, đại bác của địch. Suốt một ngày ròng rã chiến đấu, thế giặc càng lúc càng mạnh, quân ta bị hao hụt

dần dần, lực lượng mỗi lúc mỗi suy. Đến quá giữa chiều đồn Cái Mơn bị giặc chiếm, nghĩa quân rút lui không mang theo được những người bị thương, nên quân ta bị chết, bị bắt rất nhiều. Còn giặc thì chết cũng không nhỏ.

Về phía đồn Hang Tra, sau một ngày chiến đấu khốc liệt. Đến tối Đề Đốc Văn hy sinh, Cậu Tư Chái (con trai của Cố) bị thương, bị giặc bắt. Đức Cố bị mất tích trong đêm, đồn Hang Tra bị giặc chiếm. Chúng thừa thắng tiến quân, tăng viện thêm quân số, đến sáng hôm sau chúng tiến chiếm đồn Hưng Trung, rồi đồn lương. Binh Gia Nghị coi như hoàn toàn bị tan rã.

Riêng Cậu Tư Chái bị chúng đưa về giam tại khám lớn An Giang. Chúng bày mưu dụ Cậu hàn. Được tin này, bà Cố gửi cho Cậu một lá thư, một con dao nhọn nhỏ, gói trong đòn bánh tét. Khuyến Cậu nên tìm đường tẩu thoát, ví bằng không được thì hãy tự sát để giữ gìn khí tiết của một đấng trung cang, trượng phu, quân tử mang nghĩa cả vì dân, vì nước mà hy sinh, đồng thời bảo toàn danh tiết cho gia tộc.

Hiện nay, trên nền đất đồn Hưng Trung thuộc xã Bình Mỹ người ta lập đền thờ rất nguy nga cũng như tại chùa Vườn Bông ở Cồn Nhỏ, xã Bình

Thạnh Đông và tại Láng Linh, chùa Bửu Hương Tự hàng năm cứ đến ngày 21 tháng 2 âm lịch dân chúng địa phương ùn ùn tụ tập về đây để chiêm bái, cử hành lễ giỗ Đức Cố Quản và tưởng niệm những anh hùng, liệt sĩ vị quốc vong thân của Đạo Binh Gia Nghị.

Ở đây xin nhắc, Đức Cố có tất cả là 6 người con, người con cả là Trần Văn Nhu, tục gọi là Cậu Hai Nhu. Về sau truyền bá đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, bị Pháp truy nã rất gắt gao, Cậu lần trốn khắp nơi. Cậu tịch diệt ngày 23 tháng 3, năm Giáp Dần, tại Trà Bang, Cần Thơ. Các con kế là Trần Thị Hè, Trần Văn Chái, Trần Thị Nèn, Trần Thị Núi, Cậu Bảy Trạng mất lúc lên 7 tuổi.

Đức Cố Quản Trần Văn Thành tuy không lập được những kỳ công hiển hách, oanh liệt như những vị anh hùng lừng danh hào kiệt trong thời kỳ chống Pháp ở đất miền Nam. Nhưng cũng để lại cho đời tấm gương trung kiên, tiết liệt, hiếu với nước, thảo với dân, giữ tròn tín nghĩa đạo làm người. Phú quý không ham, giàu sang không mến, danh lợi chẳng cần, chỉ vì tiền đồ tổ quốc, giang san, dân tộc mà hy sinh. Vong thân vị quốc, để lại cho đời sau một tấm gương sáng lạng, hậu thế soi chung.

Nguyễn hoài Ân